

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 706/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy hoạch chung thị xã Kỳ Anh,
tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2035**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và Báo cáo thẩm định của Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2035 với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

Phạm vi lập Quy hoạch chung thị xã Kỳ Anh đến năm 2035 bao gồm toàn bộ phạm vi địa giới hành chính của thị xã, với diện tích tự nhiên 28.221 ha. Trong đó, diện tích Khu kinh tế Vũng Áng là 22.781 ha. Phạm vi ranh giới như sau:

- Phía Đông và phía Bắc giáp Vịnh Bắc bộ (Biển Đông);
- Phía Tây giáp huyện Kỳ Anh;
- Phía Nam giáp huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

2. Tính chất đô thị:

- Là trung tâm kinh tế tổng hợp phía Nam của tỉnh Hà Tĩnh. Trong đó, trọng tâm là Khu kinh tế Vũng Áng với các ngành kinh tế chủ đạo là công nghiệp và dịch vụ cảng biển, kết hợp hài hòa với các ngành kinh tế: du lịch, dịch vụ, nông - lâm nghiệp;

- Là đô thị có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung Bộ.

3. Quy mô phát triển đô thị:

a) Quy mô dân số: Tổng quy mô dân số trong phạm vi lập quy hoạch đến năm 2035 là 210.000 người. Trong đó dân số nội thị là 200.000 người.

b) Quy mô đất xây dựng:

Đến năm 2035, quy mô đất xây dựng đô thị tại nội thị khoảng 10.309 ha, bao gồm: 3.768 ha đất xây dựng các khu dân dụng và 6.541 ha đất xây dựng các khu ngoài dân dụng; đất xây dựng các khu chức năng tại khu vực ngoại thị là khoảng 769 ha.

4. Định hướng phát triển không gian:

- Ưu tiên khu vực phía Đông Bắc quốc lộ 1 cho phát triển cảng, công nghiệp:

+ Khu vực cảng Vũng Áng là cảng tổng hợp, được quy hoạch gắn với khu dịch vụ hậu cảng.

+ Bờ biển phía Đông gắn với cảng Sơn Dương được quy hoạch bao gồm: Khu vực công nghiệp thép và công nghiệp nặng gắn với cảng chuyên dùng; Khu dịch vụ hậu cảng; Một số công trình an ninh quốc phòng và hành chính phục vụ việc quản lý trong khu vực cảng và Khu kinh tế.

+ Nhà máy nhiệt điện thứ ba được bố trí tại khu vực ven biển Kỳ Phương.

+ Mở rộng Khu công nghiệp Vũng Áng 1 hiện nay sang phía Đông, với tổng quy mô khoảng 230 ha.

+ Các khu dân cư nằm trong vùng ngập sâu của các phường Kỳ Thịnh và Kỳ Long, toàn bộ khu vực xã Kỳ Lợi và một phần khu dân cư phường Kỳ Phương cần được giải toả tạo điều kiện phát triển khu công nghiệp.

+ Giữ lại quy hoạch cải tạo nâng cấp một số khu dân cư không có nguy cơ bị ngập lụt nằm ở phía Đông và phía Bắc của Khu công nghiệp Vũng Áng (Vũng Áng I và mở rộng). Bổ sung một số chức năng đô thị, để hoàn thiện tổ chức không gian và tạo điều kiện phát huy vai trò dịch vụ của khu đô thị này.

+ Khu vực phía Bắc quốc lộ 1 hiện nay và phía Tây đường nối quốc lộ 1 hiện nay với cảng Vũng Áng - Sơn Dương: quy hoạch một khu trung tâm dịch vụ kết hợp nhà ở, đáp ứng nhu cầu dịch vụ cho các khu công nghiệp lân cận.

+ Quy hoạch cải tạo các khu đất ở hiện trạng nằm dọc theo quốc lộ 1 hiện nay đoạn từ ngã tư giao với đường đi cảng Vũng Áng - Sơn Dương đến Đèo Con; bổ sung phát triển các khu đất ở kết hợp dịch vụ hoặc các cơ sở dịch vụ dọc tuyến, để phát huy vai trò tuyến phố trung tâm. Bổ sung quy hoạch Đồn biên phòng đáp ứng yêu cầu quản lý.

+ Đất ở tái định cư: quy hoạch phù hợp với tập quán sinh hoạt, sản xuất và quỹ đất.

+ Quy hoạch một số khu vực nuôi trồng thủy sản, góp phần đảm bảo đa dạng hoạt động kinh tế, tạo việc làm.

- Khu vực phía Nam núi Mầu được điều chỉnh từ trung tâm giáo dục chuyên nghiệp, dạy nghề và công nghệ cao thành khu đô thị đa chức năng. Các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp, dạy nghề và công nghệ cao được khuyến khích bố trí đan xen trong khu đô thị này cũng như các khu đô thị đa chức năng khác.

- Điều chỉnh giữ lại cải tạo nâng cấp khu dân cư hiện hữu tại khu vực phía Bắc núi Mầu, giáp quốc lộ 1 hiện hữu.

- Quy hoạch phát triển khu vực hồ Tàu Voi thành khu đô thị trung tâm khai thác cảnh quan mặt nước hồ và là khu vực điểm nhấn, kết nối với toàn dải đô thị phía Tây Nam quốc lộ 1 hiện nay.

- Khu vực phường Sông Trí tiếp tục được cải tạo, nâng cấp; khai thác cảnh quan hai bên Sông Trí và quanh Thành cổ để tổ chức các khu đô thị dịch vụ. Trước mắt, vẫn duy trì khu trung tâm hành chính tại vị trí hiện nay. Trong tương lai, khi các chức năng này được chuyển đến khu đô thị trung tâm hành chính mới, cần phát triển khu vực này thành trung tâm đô thị dịch vụ.

- Phát triển Khu đô thị trung tâm tại Bắc Kỳ Trinh, trong đó, dự trữ quỹ đất để xây dựng trung tâm hành chính mới của Thị xã trong tương lai. Điều chỉnh một số tuyến đường giao thông và phương thức tổ chức không gian để có mạng lưới đường thuận lợi hơn, nhưng vẫn cần duy trì các hành lang thoát nước cũng như một số khu cây xanh sinh thái nông nghiệp, làm vùng đệm hỗ trợ thoát nước. Tiếp tục duy trì định hướng phát triển khu vực phía Bắc của khu đô thị hành chính theo mô hình đô thị nước - khai thác cảnh quan sinh thái mặt nước để tổ chức đô thị du lịch, hỗ trợ khắc phục yếu tố mùa vụ tại các khu du lịch ven biển.

- Bổ sung các khu chức năng đô thị về phía Nam quốc lộ 1 hiện hữu, kết hợp với cải tạo, nâng cấp các khu dân cư hiện trạng và các khu tái định cư.

- Cải tạo, nâng cấp và phát triển Khu đô thị du lịch Kỳ Ninh, khu vực Kỳ Hà và Khu đô thị du lịch sinh thái Kỳ Nam, kết hợp hài hòa và hợp lý với việc duy trì các hoạt động sản xuất nông nghiệp (hướng tới mô hình nông nghiệp sạch và hàng hóa chất lượng cao) và nuôi trồng thủy sản (cần đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường).

- Tổ chức công viên và Trung tâm thể dục thể thao phía Nam hồ Mộc Hương. Tổ chức khu đô thị dịch vụ khai thác cảnh quan khu vực hồ Mộc Hương.

- Tại phía Nam quốc lộ 1 nấn tuyến, định hướng phát triển công nghiệp phụ trợ, công nghiệp đa ngành và các khu trang trại sản xuất nông lâm nghiệp, kết hợp với một số khu đất đô thị đa chức năng làm hạt nhân cung cấp dịch vụ cho toàn bộ khu vực phía Nam quốc lộ 1 nấn tuyến. Để đảm bảo kết nối giữa các chức năng phía Nam quốc lộ 1 nấn tuyến với các khu chức năng còn lại của Thị xã, quy hoạch hệ thống đường gom và các hướng kết nối thông qua nút giao khác cốt - trục thông, không giao cắt trực tiếp với quốc lộ 1 nấn tuyến.

- Trong mỗi khu vực đô thị, kết hợp hài hòa giữa các khu vực hiện trạng cải tạo và các khu vực phát triển mới, hạn chế đền bù giải tỏa ở mức độ thấp nhất, chú trọng tạo dựng không gian tương tác giữa các khu vực xây dựng hiện hữu và các chức năng đô thị mới thông qua các không gian mở công cộng và công trình dịch vụ công cộng, dịch vụ đô thị.

- Các xã Kỳ Hưng và Kỳ Hoa được quy hoạch là các xã ngoại thị và được kết nối với khu vực phường sông Trí và phường Kỳ Trinh. Nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội để nâng cao chất lượng môi trường sống của các khu dân cư, đồng thời, duy trì một số quỹ đất sản xuất nông lâm nghiệp, tạo không gian mở và vùng đệm - dự trữ phát triển cho các nhu cầu trong tương lai.

- Tổ chức hệ thống trung tâm bao gồm:

+ Các khu trung tâm hành chính, dịch vụ gắn với các khu cảng;

+ Khu trung tâm hành chính, văn hóa của toàn đô thị trước mắt vẫn được duy trì ở khu vực phường Sông Trí, trong tương lai, có thể bố trí tại khu đô thị trung tâm - Bắc Kỳ Trinh và tại phường Sông Trí;

+ Các khu trung tâm thương mại tài chính, dịch vụ tổng hợp gắn với các trung tâm công nghiệp, cảng và trung tâm đô thị, đặc biệt là dọc quốc lộ 1 hiện hữu và tại khu đô thị trung tâm - Bắc Kỳ Trinh;

+ Khu trung tâm Thể dục thể thao - vui chơi giải trí được bố trí tại khu vực phía Nam Hồ Mộc Hương (phía Bắc và phía Nam đường tránh quốc lộ 1) và tại phường sông Trí.

+ Các khu trung tâm đô thị đa chức năng được quy hoạch gắn với các không gian cảnh quan mặt nước, thành cổ (Kỳ Anh) và gắn với các trục chính đô thị.

+ Các quảng trường và trung tâm dịch vụ du lịch ven biển, ven sông, ven hồ (Kỳ Ninh, Kỳ Nam và quanh hồ Tàu Voi, hồ Mộc Hương, Con Trè...).

+ Các trung tâm y tế; chợ trung tâm, trường phổ thông trung học; Cải tạo nâng cấp các cơ sở hiện hữu; bổ sung theo tiêu chuẩn tương ứng với quy mô dân số quy hoạch.

5. Quy hoạch sử dụng đất:

a) Tổng diện tích tự nhiên toàn thị xã: 28.221 ha.

b) Tổng diện tích tự nhiên khu vực nội thị: 23.545 ha.

- Đất xây dựng dân dụng: 3.768 ha.

- Đất xây dựng ngoài dân dụng: 6.541 ha.

- Đất khác trong khu vực nội thị: 13.236 ha.

c) Tổng diện tích tự nhiên khu vực ngoại thị: 4.676 ha.

- Đất xây dựng các khu chức năng trong khu vực ngoại thị: 769 ha;

- Đất khác trong khu vực ngoại thị: 3.907 ha.

6. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Định hướng phát triển hệ thống giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường bộ: Xây dựng mới tuyến đường cao tốc Hà Tĩnh - Quảng Bình (Bãi Vọt - Vũng Áng - Bùng) thuộc tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông; tiếp tục nâng cấp tuyến tránh quốc lộ 1, đạt tiêu chuẩn đường cấp 1 đồng bằng; xây dựng, mở rộng hầm đường bộ qua Đèo Ngang từ 2 lên 4 làn xe.

+ Đường thủy: Thực hiện theo điều chỉnh quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2014.

. Cảng Vũng Áng: đảm bảo năng lực nhận tàu chở hàng tải trọng đến 50.000 DWT, với chức năng là khu bến tổng hợp, công-ten-nơ, có bến chuyên dùng. Năng lực thông qua dự kiến khoảng 18,5 triệu tấn/năm vào năm 2020, khoảng 29,7 triệu tấn/năm vào năm 2030.

. Cụm cảng Sơn Dương: Là khu bến chuyên dùng có bến tổng hợp, có thể đáp ứng cho tàu trọng tải đến 300.000 tấn. Bố trí cảng trung chuyển than cho tàu 100.000 đến 200.000 tấn, phục vụ các trung tâm nhiệt điện. Năng lực thông qua cảng Sơn Dương dự kiến đạt khoảng 63 triệu tấn/năm vào năm 2020 và đạt khoảng 108 triệu tấn/năm vào năm 2030.

. Quy hoạch hệ thống các khu neo đậu tránh, trú bão: Khu vực Cửa Khẩu quy hoạch 04 điểm neo cho cỡ tàu lớn nhất đến 1.000 DWT; khu vực Sơn Dương định hướng quy hoạch 04 điểm neo đậu trú bão cho tàu có trọng tải đến 20.000 DWT, trong bể cảng, sau khi hệ thống đê chắn sóng được xây dựng hoàn chỉnh.

+ Đường sắt: Thống nhất với Bộ Giao thông vận tải khi nghiên cứu xây dựng tuyến đường sắt chuyên dụng nối cảng Vũng Áng và cảng Sơn Dương với tuyến đường sắt Bắc Nam, đồng thời nối với Thà Khẹt (Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào) và là một bộ phận của tuyến đường sắt Xuyên Á.

+ Trung tâm logistics: Xây dựng trung tâm logistics tại Vũng Áng - Sơn Dương là trung tâm logistics hạng I cấp quốc gia và quốc tế. Trong đó, trung tâm logistics tại Vũng Áng công suất khoảng 16,3 triệu tấn/năm. Khi trung tâm logistics tại Vũng Áng bão hòa công suất thiết kế, tiếp tục xây dựng trung tâm logistics tại Sơn Dương công suất khoảng 22,5 triệu tấn/năm.

+ Công trình giao thông:

. Xây dựng hệ thống cầu vượt sông Quyền, sông Vịnh, đầu mối giao thông.

. Đối với hệ thống nút giao thông giao cắt với tuyến tránh quốc lộ 1: giai đoạn đầu, khi tuyến tránh có quy mô đường cấp III, có thể bố trí các nút giao cắt đồng mức; giai đoạn sau, khi tuyến tránh đạt quy mô đường cấp I, xây dựng hệ thống nút giao liên thông hoặc trục thông.

. Tiếp tục nâng cấp, mở rộng các nút giao thông cùng mức hiện có giữa các trục đường chính trong thị xã.

+ Bến, bãi đỗ xe: Xây dựng bến xe tại khu vực nút giao cắt giữa quốc lộ 1 với tuyến trục chính phía Tây và tại khu vực nút giao cắt giữa quốc lộ 12C với đường tránh quốc lộ 1; các bãi đỗ xe công cộng tập trung được xây dựng tại các trung tâm công cộng và trung tâm đô thị với quy mô phù hợp với nhu cầu.

- Giao thông đô thị:

+ Tiếp tục nâng cấp, mở rộng các tuyến đường trục chính liên khu đô thị, khu công nghiệp, khu cảng, du lịch gắn kết với địa hình tự nhiên; đồng thời kết nối thuận lợi với các khu chức năng trong thị xã; nâng cấp tuyến quốc lộ 1 đoạn qua khu vực thị xã thành đường chính đô thị.

+ Tiếp tục nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới hệ thống giao thông trong các khu đô thị, khu du lịch.

+ Tiếp tục xây dựng, bổ sung các tuyến giao thông công cộng (xe buýt) nối các khu công nghiệp với các khu đô thị và các khu du lịch.

b) Định hướng chuẩn bị kỹ thuật:

- Quy hoạch san nền: Cao độ nền xây dựng không chế nền phù hợp với điều kiện thủy văn và nền địa hình, cụ thể như sau: Cao độ nền xây dựng khu vực dân cư $\geq +3,2$ m; Cao độ nền xây dựng khu công nghiệp $\geq +3,5$ m; cao độ nền xây dựng các khu vực cây xanh công viên $\geq +3,0$ m. Khi xây dựng xen cây trong các khu dân cư hiện trạng, phải phù hợp và hài hòa với các không gian lân cận. Tận dụng giải pháp san nền cục bộ tại các khu vực địa hình đồi núi.

- Quy hoạch thoát nước mưa:

+ Sử dụng hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn.

+ Các hướng thoát nước chính bao gồm: ra sông Quyên, sông Trí, sông Vĩnh, sau đó ra cửa Khẩu và thoát ra Biển Đông.

+ Hệ thống thoát nước chính: Nạo vét các suối Khe Lau, khe Lũy, suối Vực Lạnh; xây dựng các tuyến mương chính dẫn nước mưa từ các khu công nghiệp ra các trục tiêu chính; xây dựng các mương đón nước từ núi Cao Vọng, núi Bò Càn xuống hồ Tây Yên; xây dựng hệ thống cống thoát nước cho các khu vực đô thị đồng bộ theo hệ thống đường giao thông; khớp nối với các tuyến thoát nước theo các dự án đã và đang xây dựng.

+ Giải pháp kè các hồ, kênh và xây dựng đê cần kết hợp với các giải pháp về cây xanh, cảnh quan và tạo không gian vui chơi công cộng.

c) Định hướng cấp nước:

- Nguồn nước:

+ Đến năm 2025: Nước sạch cho khu đô thị, khu du lịch và công nghiệp cần nước sạch lấy nước từ hồ Kim Sơn, hồ Thượng sông Trí.

+ Đến năm 2035: Sử dụng nguồn nước từ hồ Kim Sơn, hồ Thượng sông Trí. Hồ Thượng sông Trí sẽ được bổ sung nguồn nước từ hồ Rào Trỏ. Trường hợp hồ Rào Trỏ sau khi xây dựng không đạt được năng lực thiết kế thì sẽ bổ xung nước từ hồ Sông Rác.

+ Nước cấp cho khu công nghiệp FORMOSA lấy từ hồ Thượng sông Trí.

- Công trình đầu mối:

+ Tiếp tục sử dụng các nhà máy nước hiện có (nhà máy nước Vũng Áng 1, nhà máy nước Vũng Áng 2, nhà máy nước Hoàn Sơn).

+ Xây dựng nhà máy nước Vũng Áng 3, nguồn nước hồ Thượng sông Trí, tại khu vực xã Kỳ Liên, công suất dự kiến khoảng 90.000 m³/ngày đêm.

- Mạng lưới đường ống:

+ Nước thô: Xây dựng các tuyến ống truyền dẫn nước thô từ hồ Thượng sông Trí về nhà máy xử lý nước Vũng Áng 3.

+ Nước sạch: Mạng lưới đường ống được thiết kế đến từng khu chức năng.

d) Định hướng cấp điện và chiếu sáng:

- Tổng nhu cầu phụ tải của thị xã đến năm 2035 là khoảng 536 MW;

- Nguồn điện cấp cho khu vực Thị xã là hệ thống điện quốc gia, thông qua lưới điện 500 kV và 220 kV và một phần từ các nhà máy điện đặt trực tiếp trong Khu kinh tế Vũng Áng, gồm:

+ Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 công suất 2x600 MW xây dựng tại khu vực cảng Vũng Áng.

+ Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2 công suất 2x600 MW xây dựng tại khu vực cảng Vũng Áng, cạnh nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1.

+ Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 3 công suất 4x600 MW đặt tại phía Nam khu kinh tế.

+ Nhà máy nhiệt điện Formosa có tổng quy mô công suất 1.300 MW, đặt trong khu vực Khu liên hiệp gang thép Formosa - cảng Sơn Dương.

- Lưới điện 500 kV trên địa bàn thị xã:

+ Xây dựng tuyến đường dây 500 kV Vũng Áng - Quảng Trạch.

+ Xây dựng tuyến đường dây 500 kV Nhiệt điện Vũng Áng 3 - Nhiệt điện Quỳnh Lập;

+ Xây dựng tuyến đường dây 500 kV rẽ nhánh từ tuyến Vũng Áng - Quảng Trạch vào nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 3.

- Lưới điện và trạm 220 kV trên địa bàn Thị xã:

+ Ngoài các tuyến đường dây 220 kV hiện có phục vụ đầu nối các nhà máy nhiệt điện, xây dựng mới 01 tuyến đường dây từ trạm 220 kV Vũng Áng đi Đồng Hới.

+ Xây dựng mới trạm biến áp 220 kV Vũng Áng, công suất 2x125 MVA, để cấp điện cho các trạm 110 kV của khu vực.

- Lưới điện và trạm 110 kV:

+ Nâng công suất trạm 110 kV khu công nghiệp Vũng Áng từ -1x63 MVA thành 2x63 MVA.

+ Nâng công suất trạm 110 kV Kỳ Anh từ - 1x25 MVA thành 2x40 MVA.

+ Xây mới trạm 110 kV Vũng Áng 2 tại vị trí Phường Kỳ Liên với quy mô công suất 1x63 MVA; giai đoạn dài hạn nâng công suất thành 2x63 MVA.

+ Xây dựng mới trạm 110 kV Vũng Áng 3 tại phường Kỳ Thịnh với công suất đặt là 1x63 MVA.

+ Xây mới trạm 110 kV chuyên dùng, trong khu hạ tầng kỹ thuật của Công ty trách nhiệm hữu hạn Daktai Daktai, tại phường Kỳ Liên, công suất dự kiến 2x40 MVA.

- Lưới điện trung thế, hạ thế: Hạ ngầm ở khu vực trung tâm thành phố, các khu đô thị mới, các công trình công cộng đô thị; xây dựng mới các trạm hạ thế đáp ứng đủ nhu cầu và đảm bảo mỹ quan.

- Chiếu sáng: Hoàn thiện hệ thống chiếu sáng theo các quy chuẩn chiếu sáng đối với đô thị loại II.

đ) Định hướng phát triển hệ thống thông tin liên lạc:

Đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc, đảm bảo cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ viễn thông. Ngầm hóa hệ thống cáp thông tin liên lạc tại khu vực trung tâm đô thị, các khu đô thị mới và khu vực công trình công cộng đô thị. Từng bước hạ ngầm cáp thông tin liên lạc tại các khu đô thị hiện hữu.

e) Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Thoát nước thải:

+ Sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn. Xây dựng hệ thống thoát nước thải công nghiệp và hệ thống thoát nước thải sinh hoạt đô thị.

+ Nước thải sinh hoạt đô thị: Xây dựng 4 trạm xử lý nước thải (XLNT) sinh hoạt và 19 bể XLNT quy mô nhỏ. Nước thải sau xử lý đạt giới hạn B theo QCVN 14/2008/BTNMT.

+ Nước thải công nghiệp cần được làm sạch theo hai bước: xử lý cục bộ trong nhà máy để làm sạch nước thải tới giới hạn C theo TCVN 5945-2005, sau đó làm sạch lần 2 tại trạm xử lý nước thải tập trung tập trung của khu công nghiệp đạt tới giới hạn B theo QCVN 40:2011/BTNMT. Bố trí 13 trạm xử lý nước thải công nghiệp. Mỗi trạm xử lý nước thải công nghiệp đều phải xây dựng kèm theo hồ chỉ thị sinh học để kiểm soát chất lượng của tất cả nước thải sau xử lý, trước khi xả ra môi trường bên ngoài. Ngoài ra, phải xây dựng thêm hồ sự cố để chứa nước thải tạm thời, trong những thời điểm nhà máy xử lý nước thải công nghiệp xảy ra sự cố, không hoạt động bình thường.

+ Nước thải các khu du lịch mật độ xây dựng thấp: được xử lý cục bộ trong từng công trình hoặc nhóm công trình bằng các loại bể tiên tiến hoặc các loại công trình xử lý sinh học theo công nghệ hiện đại, có hiệu suất sử dụng cao. Nước thải sau các bể này cần được thu vào hào thấm lọc bằng cát, để làm sạch bổ sung trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Quản lý chất thải rắn (CTR):

+ Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, phân loại tại nguồn phát sinh rồi đưa về khu xử lý CTR quy mô 10 ha tại xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh.

+ Xây dựng bãi thải xỉ phục vụ cho nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 và nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 2, quy mô 100 ha, tại Kỳ Trinh; xây dựng nhà máy xử lý tro xỉ thải quy mô 9 ha nhằm hạn chế tác động của chất thải đến môi trường. Tận dụng lượng xỉ này để làm nền xây dựng đường nông thôn, nền xây dựng, cung cấp cho các đơn vị sản xuất xi măng, thạch cao, vật liệu xây dựng.

+ Khu vực công nghiệp luyện thép Formosa: Xây dựng bãi chứa tro xỉ quy mô 137,9 ha nằm ở phía Đông Nam khu liên hợp gang thép, giáp biển và một phần lấn biển. Phải đảm bảo thực hiện theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và bãi chứa tro xỉ không được gây ô nhiễm đến môi trường; bố trí trạm quan trắc để kiểm soát chất lượng môi trường nước, môi trường không khí tại khu vực bãi tro xỉ của khu công nghiệp gang thép; xây dựng nhà máy xử lý, tái chế xỉ hạt lò cao. Xi hạt lò cao sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường, được dùng làm nguồn nguyên liệu cung cấp làm phụ gia cho sản xuất xi măng và vật liệu xây dựng.

+ CTR công nghiệp khác cần phân loại chất thải ngay tại nguồn, tận thu, tái sử dụng. Phần CTR không sử dụng được sẽ được vận chuyển đến bãi chôn lấp cùng với rác thải sinh hoạt. Chất thải rắn độc hại phải được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

- Quy hoạch nghĩa trang: Đóng cửa khoanh vùng, trồng cây xanh cách ly và tiến tới di dời các khu nghĩa trang nhỏ lẻ phân bố rải rác trong khu vực nghiên cứu về nghĩa trang tập trung của từng xã, phường; cải tạo nghĩa trang xã Kỳ Hoa tại khu vực Núi Đất phục vụ cho toàn bộ thị xã; xây dựng nhà tang lễ tại khu vực nghĩa trang thị xã Kỳ Anh.

7. Các giải pháp kiểm soát và bảo vệ môi trường:

a) Phân vùng kiểm soát và bảo vệ môi trường:

- Khu vực 1 - Khu vực cảng, dịch vụ cảng, hậu cảng: Kiểm soát chặt chẽ và thường xuyên về môi trường; cần có lực lượng và phương tiện ứng phó với sự cố tràn dầu; xử lý nước thải, thu gom rác thải cho khu vực dịch vụ và hậu cảng đảm bảo tiêu chuẩn môi trường. Quan trắc, giám sát chặt chẽ thường xuyên chất lượng môi trường trong khu vực.

- Khu vực 2 - Khu vực công nghiệp: Tăng cường diện tích cây xanh cách ly; xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn, đảm bảo quy chuẩn về môi trường hiện hành; quan trắc, giám sát chặt chẽ và thường xuyên chất lượng môi trường trong khu vực.

- Khu vực 3 - Khu vực đất ở, công cộng, cơ quan: Xây dựng công trình hài hòa, thân thiện với môi trường; xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn, đảm bảo quy chuẩn về môi trường hiện hành.

- Khu vực 4 - Khu vực đất nuôi trồng thủy sản: Áp dụng kỹ thuật cao trong chăn nuôi nhằm hạn chế lượng thức ăn, thuốc bảo vệ vật nuôi dư thừa, gây ảnh hưởng đến môi trường nước, đất. Quan trắc, giám sát chặt chẽ thường xuyên chất lượng môi trường trong khu vực.

- Khu vực 5 - Khu vực đất nghĩa trang: Việc xây dựng, quản lý, hoạt động của nghĩa trang cần tuân thủ các quy định hiện hành; cần có giải pháp quy hoạch hợp lý đảm bảo các tiêu chí kỹ thuật, mỹ quan, tín ngưỡng địa phương và môi trường; quản lý chặt chẽ hoạt động xây dựng, an táng, xử lý nước thải, chất thải rắn phát sinh trong khu vực.

- Khu vực 6 - Khu vực bãi chứa chất thải công nghiệp: Quản lý chặt chẽ việc đổ thải (có biện pháp che chắn hạn chế phát tán bụi); nghiên cứu, đưa ra các giải pháp tái sử dụng nguồn thải an toàn. Quan trắc, giám sát chặt chẽ và thường xuyên chất lượng môi trường trong khu vực.

- Khu vực 7 - Khu vực khai thác khoáng sản: Quản lý chặt chẽ việc cấp phép khai thác; nghiên cứu, lựa chọn áp dụng công nghệ - thiết bị tiên tiến trên thế giới nhằm đảm bảo an toàn với môi trường; xây dựng phương án phòng ngừa ô nhiễm, quản lý sản xuất phù hợp với quản lý các nguồn chất thải. Quan trắc, giám sát chặt chẽ và thường xuyên chất lượng môi trường trong khu vực.

- Khu vực 8 - Khu vực đất hạ tầng kỹ thuật: Cần được quản lý chặt chẽ, đảm bảo hoạt động liên tục và hiệu quả; tăng cường diện tích cây xanh trong khuôn viên và quanh các công trình xử lý; cần có các giải pháp dự phòng, khắc phục sự cố kịp thời.

- Khu vực 9 - Khu vực đất an ninh quốc phòng: Cấm các hành vi xâm phạm.

- Khu vực 10 - Khu vực đất tôn giáo: Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

- Khu vực 11 - Khu vực cây xanh: Tạo cảnh quan, cải thiện vi khí hậu; cần xây dựng hệ thống cây xanh đảm bảo các tiêu chí về kỹ thuật, cảnh quan, phù hợp khí hậu, thổ nhưỡng địa phương...

- Khu vực 12 - Khu vực mặt nước: Tạo cảnh quan, cải thiện vi khí hậu; cần bảo vệ nguồn nước, cấm các hành vi xả thải chưa qua xử lý ra nguồn nước.

b) Bổ sung và phát huy hiệu quả của hệ thống quan trắc giám sát môi trường:

Duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động của hệ thống các điểm quan trắc môi trường đã xây dựng và bổ sung các điểm quan trắc môi trường tại các điểm nhạy cảm với môi trường như: khu công nghiệp, nhà máy nhiệt điện, nhà máy thép, các điểm xả nước thải sau xử lý của các trạm xử lý nước thải sinh hoạt, trạm xử lý nước thải công nghiệp, tại cửa vịnh, các nút giao thông chính khu vực... phù hợp với các nội dung quy hoạch chung toàn thị xã.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh:

1. Lập và ban hành Quy định quản lý xây dựng theo đồ án Quy hoạch chung thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2035 được duyệt; xây dựng và ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc toàn đô thị.

2. Công bố công khai đồ án Quy hoạch chung thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2035.

3. Lập chương trình phát triển đô thị, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật phù hợp với đồ án Quy hoạch chung Thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2035.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng, Ngoại giao, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Hà Tĩnh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTG, TGĐ Công an, các Vụ: TH, KTTH, KGVX, QHDP;
- Lưu: VT, CN (2).*MT*

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng